

Bản án số: 197/2018/HS-PT

Ngày: 09/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Văn Lệ

2. Bà Phạm Uyên Thy

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần A Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 143/2018/HSPT ngày 16/3/2018 đối với bị cáo Lê A H theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1838/2018/QĐXXPT-HS ngày 20/4/2018 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê A H**; giới tính: nam; sinh ngày 16/3/1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp 3, xã Phước Vĩnh Q, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: (không); con ông Lê Văn L và bà Mai Thị T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án:

-Ngày 09/3/2009, bị Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 9 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 3 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung là 1 năm 6 tháng tù (bản án 60/2009/HSST); chấp hành xong hình phạt vào ngày 18/12/2009 (BL.99);

-Ngày 12/8/2010, bị Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 2 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung là 3 năm tù (bản án 122/2010/HSPT); chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/3/2013 (BL.100);

-Ngày 16/9/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 673/2013/HSPT), chấp hành xong hình phạt tù ngày 5/4/2017;

Bắt, tạm giam: ngày 28/11/2017;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại: Anh **Phạm Văn Tuấn A**; sinh năm 1990; nơi cư trú: đường Phạm Đăng G , phường Bình Hưng D, quận Bình T , Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 12/7/2017, Lê Thanh H thuê Phòng số 13 thuộc nhà nghỉ Duy N tại địa chỉ ấp Hậu Lâm, xã Bà Đ , huyện Hóc M , Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Khoảng 1 giờ ngày 13/7/2017, H đi xuống quây lễ tân để gọi thức ăn thì phát hiện cửa Phòng số 7 ở Lầu 2 chỉ khép hờ, H mở cửa phòng thì thấy anh Phạm Văn Tuấn A đang nằm ngủ trong phòng nên nảy sinh ý định trộm cắp. H vào trong phòng thì thấy 1 chìa khóa xe máy có in hình logo của hãng xe Yamaha để trên bàn. H lấy chìa khóa vừa nêu và đi xuống bãi giữ xe của nhà nghỉ Duy N . Khi thấy xe Yamaha Sirius màu đen, trắng mang biển số 63B7-126.06 của A. H dùng chìa khóa mở khóa rồi điều khiển xe chạy đến một nhà nghỉ trên địa phận quận Gò V để thuê ở. Khoảng 18 giờ cùng ngày, H điều khiển chiếc xe máy vừa nêu đến nhà Phạm Văn C tại địa chỉ đường Nguyễn K, Phường 3, quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh và bán xe cho C với giá 3.000.000đ.

Ngày 15/7/2017, H đi bộ từ nhà nghỉ nơi H thuê ở đến nhà Phạm Văn C với mục đích để hỏi vay tiền. Khi đến nơi, H không thấy C ở nhà, nhà của C thì đóng cửa nhưng không khóa và không có người trông coi, chiếc xe máy biển số 63B7-126.06 thì dựng bên ngoài nhà, còn chìa khóa xe thì để dưới nền nhà. H liền lén lút lấy chìa khóa, mở khóa xe và điều khiển xe đi đến nhà của Nguyễn Thanh V ở trên đường Khu phố 3, phường Tân Z , quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà không số). H cầm chiếc xe đã nêu cho V để vay 2.000.000đ.

Sau một thời gian, không thấy H đến chuộc xe nên V bán xe cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000đ.

Tại bản án số 26/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc M , Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt Lê Thanh H 4 (bốn) năm, 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên buộc bị cáo H bồi thường cho anh Phạm Văn Tuấn A 21.050.000đ; truy thu tiền thu lợi bất chính; xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 12/2/2018, bị cáo Lê Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc; hoàn cảnh gia đình bị cáo đang gặp khó khăn; đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Hóc M , Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là có căn cứ. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không nêu ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc M , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc M , Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Hóc M , Thẩm phán đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào vật chứng thu được, lời khai của người bị hại, lời khai nhận của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hành vi khách quan của tội phạm được nêu trong cáo trạng và bản án sơ thẩm là chính xác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

[3]. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 09/3/2009, bị Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 9 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 3 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung là 1 năm 6 tháng tù (bản án 60/2009/HSST); ngày 12/8/2010, tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 2 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung là 3 năm tù (bản án 122/2010/HSPT); ngày 16/9/2013, tiếp tục bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 673/2013/HSPT), chấp hành xong hình phạt tù ngày 5/4/2017. Bị cáo đã “tái phạm”, “tái phạm nguy hiểm” nay lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999, lần phạm tội này của bị cáo được xác định thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Mức án 4 năm 6 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi của bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, mức hình phạt quy định tại khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và mức hình phạt quy định tại khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là như nhau; tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p

khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho bị cáo, đồng thời viện dẫn Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội để áp dụng Bộ luật năm 2015 xử lý đối với bị cáo là không có căn cứ, không đúng với hướng dẫn tại chính Nghị quyết vừa nêu. Sai sót này, cần H được điều chỉnh lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 138, điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Lê Thanh H 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2017.

2. Bị cáo H nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc M ;
- PC 53 - CATP;
- Bị cáo;
- Dương sự:
- Chi Cục THA huyện Hóc M ;
- TAND huyện Hóc M ;
- Công an huyện Hóc M ;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (23).

- (1)
- (1)
- (3)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (2)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huấn